

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2021
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lý Hồng Hạnh

2/ Ông Nguyễn Quốc Hùng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng, cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2020 về
tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2021/QĐXX-
ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Chị **Lê Lan Ngọc N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ.

Bị đơn:* Anh **Lê Văn Khánh H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Huỳnh Trung H2**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Mỹ Hòa, huyện Thập Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh **Lê Văn Khánh H1**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

3. Chị **Dương Hoa T** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Lan Ngọc N trình bày:

Tôi và anh H tự tìm hiểu yêu thương và tiến tới hôn nhân năm 2020, đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Đông Bình, huyện Thới Lai vào ngày 01/4/2020. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, anh H ghen tuông vô cớ, xúc phạm tôi nhiều lần. Tôi đã cố gắng hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay tôi xin ly hôn với anh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Về tài sản như phía anh H đưa ra và yêu cầu chia thì tôi không đồng ý: Vàng cưới 30 chỉ vàng 24k: tôi đã giao cho anh H 15 chỉ, tôi giữ 15 chỉ, nên xem như đã chia xong. Xe hiệu Honda Shmode là xe tôi tự mua vào ngày 30/12/2018, thời điểm này trước khi về chung sống với anh H nên không được xem là tài sản chung, hóa đơn và hợp đồng tín dụng trả góp xe đều do tôi đứng tên nên đây là tài sản riêng của tôi. Đối với máy giặt và máy lạnh theo thông tin hóa đơn tại cửa hàng Thế giới di động ngày 30/3/2019, tôi có mua 02 cái máy giặt, 01 cái giao tại nhà tôi và 01 cái giao nhà anh H, 01 máy lạnh giao nhà anh H và hiện nay bên anh H vẫn đang quản lý sử dụng nên không phải chia và tôi cũng không yêu cầu chia. Về nợ: tôi không biết và cũng không đồng ý chia như anh H yêu cầu.

Bị đơn anh Lê Văn Khánh H trình bày:

Tôi thống nhất với phần trình bày của N về quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn là do N quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, tôi đã bắt gặp N vào nhà nghỉ. Nay tôi cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: không có. Về tài sản chung: Vàng cưới 30 chỉ và cặp nhẫn cưới, N đã giao cho tôi 15 chỉ, tôi yêu cầu N giao phần còn lại 15 chỉ vàng và nhẫn cưới cho tôi; 01 xe Shmode: N đang quản lý sử dụng, tôi yêu cầu N giao lại cho tôi; 01 tivi mua năm 2018 với giá khoảng 10.000.000đồng; 01 máy giặt mua năm 2019 với giá 6.500.000đồng; 01 máy lạnh mua năm 2019 với giá khoảng 8.000.000đồng; 01 dây chuyền vàng 18k trị giá 3.000.000đồng; 01 đồng bông tai vàng 18k trị giá 3.000.000đồng. Tôi yêu cầu N trả lại cho tôi. Về nợ chung: vào ngày 20/12/2019 tôi đã vay 200.000.000đồng của anh Huỳnh Trung H2, tôi vay để mua vàng cưới, hai bên có làm biên nhận nợ, tôi sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung và cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan trong thời hạn 07 ngày. Nếu qua thời hạn trên thì xem như tôi từ bỏ quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Trung H2, anh Lê Văn Khánh H1 và chị Dương Hoa T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Lan Ngọc N và anh Lê Văn Khánh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của hai bên, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mất niềm tin lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, từ đó dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn nên hai bên đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, chị N và anh H không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của chị N là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung: Theo chị N trình bày thì cả hai đã thỏa thuận chia vàng cưới xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh H yêu cầu chia tài sản chung theo nội dung biên bản hòa giải ngày 01/4/2021 và ngày 16/4/2021 nhưng anh H không làm đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn cho chị N và anh H khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị N cho rằng không có nợ chung, anh H cho rằng đã vay số tiền 200.000.000đồng của anh Huỳnh Trung H2, tòa án đã tiến hành triệu tập anh H2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng anh H2 vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn yêu cầu độc lập

gửi đến tòa yêu cầu giải quyết, nên tách yêu cầu chia nợ chung thành vụ án khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Lan Ngọc N được ly hôn với anh Lê Văn Khánh H.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, khi nào các bên tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Lan Ngọc N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 016110 ngày 29/12/2020 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc